

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2006/TT-BTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2006

THÔNG TƯ

Hướng dẫn trình tự, thủ tục và xử lý tài chính đối với hoạt động mua, bán, bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 69/2002/NĐ-CP ngày 12/7/2002 của Chính phủ về quản lý và xử lý nợ tồn đọng của công ty nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 80/2005/NĐ-CP ngày 22/6/2005 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 109/2003/QĐ-TTg ngày 05/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp;

Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục và xử lý tài chính đối với hoạt động mua, bán, bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp như sau:

Phần thứ nhất

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng: Thông tư này hướng dẫn trình tự, thủ tục và xử lý tài chính đối với các hoạt động: mua, bán, xử lý nợ và tài sản tồn đọng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của

doanh nghiệp theo nguyên tắc thỏa thuận; mua, bán, xử lý nợ và tài sản tồn đọng theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ; bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản đã loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi sở hữu công ty nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng:

2.1. Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp thành lập theo Quyết định số 109/2003/QĐ-TTg ngày 05/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Công ty mua, bán nợ);

2.2. Các doanh nghiệp có nợ phải thu, tài sản tồn đọng bán cho Công ty mua, bán nợ;

2.3. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân mua nợ và tài sản tồn đọng của Công ty mua, bán nợ;

2.4. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nợ phải trả;

2.5. Các doanh nghiệp, tổ chức đang giữ hộ nợ, tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi sở hữu công ty nhà nước.

3. Các thuật ngữ sử dụng trong Thông tư này được hiểu như sau:

3.1. “Nợ tồn đọng” là các khoản nợ phải thu, nợ phải trả đã quá hạn thanh toán nhưng chưa thu được, chưa trả được.

3.2. “Chủ nợ” là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nợ phải thu.

3.3. “Khách nợ” là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nợ phải trả.

3.4. “Chủ tài sản” là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu tài sản.

3.5. “Tài sản tồn đọng” là thành phẩm, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định thuộc sở hữu của doanh nghiệp còn tồn kho, ứ đọng nhưng doanh nghiệp không có nhu cầu sử dụng.

3.6. “Mua, bán nợ, tài sản tồn đọng” là việc chủ nợ có nợ phải thu, chủ tài sản có tài sản tồn đọng bán cho Công ty mua, bán nợ. Công ty mua, bán nợ trở thành chủ nợ mới của khách nợ, chủ sở hữu mới của tài sản.

3.7. “Mua, bán nợ, tài sản tồn đọng theo chỉ định” là việc mua, bán nợ, tài sản tồn đọng theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Công ty mua, bán nợ được quyền mua, bán, xử lý các khoản nợ, tài sản tồn đọng bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất theo giá thỏa thuận và theo chỉ định; có

quyền bán các tài sản cầm cố, thế chấp cho các khoản nợ Công ty đã mua, bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành.

5. Khi hợp đồng mua, bán nợ, tài sản tồn đọng có hiệu lực, các bên có quyền và nghĩa vụ như sau:

- Toàn bộ quyền và nghĩa vụ của chủ nợ (bên bán nợ), chủ tài sản (bên bán tài sản) được chuyển giao cho bên mua.

- Chủ nợ, chủ tài sản có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ nợ, tài sản kèm theo hồ sơ, tài liệu có liên quan theo đúng quy định của hợp đồng và các quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời có trách nhiệm thông báo cho khách nợ biết việc chuyển đổi chủ nợ đối với khoản nợ đã bán.

- Bên mua được kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của chủ nợ đối với khoản nợ đã mua, có các quyền và nghĩa vụ của chủ tài sản đối với tài sản đã mua.

- Khách nợ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ; cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến khoản nợ và các nghĩa vụ khác liên quan đến khoản nợ theo quy định của pháp luật đối với bên mua nợ.

6. Đối với nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp, sau khi ký Biên bản bàn giao, Công ty mua, bán nợ được kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của chủ nợ đối với các khoản nợ đã tiếp nhận; có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của chủ tài sản đối với tài sản đã tiếp nhận. Khách nợ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ và các nghĩa vụ khác đối với Công ty mua, bán nợ.

7. Đối với các khoản nợ và tài sản tồn đọng đã mua hoặc nợ, tài sản tồn đọng được Nhà nước giao xử lý, Công ty mua, bán nợ được phép xử lý theo các hình thức sau:

- Thu nợ, bán nợ, bán, khai thác tài sản đảm bảo;
- Bán, cho thuê tài sản tồn đọng;
- Sử dụng nợ, tài sản tồn đọng để góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh, hợp tác kinh doanh;
- Các hình thức khác mà pháp luật không cấm.

Công ty mua, bán nợ được phép sửa chữa, nâng cấp tài sản tồn đọng để nâng cao hiệu quả xử lý tài sản tồn đọng theo các hình thức nêu trên.

Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý nợ và tài sản tồn đọng của Công ty mua, bán nợ được quy định cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của Công ty mua, bán nợ.

8. Hoạt động mua, bán nợ và tài sản tồn đọng phải lập chứng từ theo quy định hiện hành.

9. Bên mua nợ và tài sản tồn đọng có trách nhiệm theo dõi, hạch toán đầy đủ chi phí mua nợ, tài sản tồn đọng bao gồm: giá mua nợ, giá mua tài sản tồn đọng ghi trên chứng từ, chi phí vận chuyển tài sản, chi phí sửa chữa, nâng cấp tài sản (nếu có) và theo dõi giá trị nợ gốc của khoản nợ trên tài khoản ngoại bảng.

10. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khi mua các khoản nợ và tài sản tồn đọng của Công ty mua, bán nợ thực hiện theo giá cả thị trường bằng các hình thức thỏa thuận, đấu giá, đấu thầu theo quy định hiện hành. Trình tự, thủ tục và xử lý tài chính khoản nợ và tài sản tồn đọng đã mua thực hiện như quy định đối với hoạt động mua bán nợ, tài sản tồn đọng theo hình thức thỏa thuận của Công ty mua, bán nợ.

11. Công ty mua, bán nợ có trách nhiệm nộp thuế theo pháp luật hiện hành về thuế.

Phần thứ hai

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG MUA, BÁN NỢ VÀ TÀI SẢN TỒN DỌNG THEO THỎA THUẬN

1. Trình tự, thủ tục thực hiện mua, bán nợ và tài sản tồn đọng

1.1. Việc mua, bán nợ và tài sản tồn đọng được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ký kết giữa hai bên.

1.2. Việc mua, bán nợ và tài sản tồn đọng theo giá cả thị trường bằng các phương thức thỏa thuận, đấu thầu, đấu giá theo quy định hiện hành.

2. Xử lý tài chính đối với hoạt động mua, bán, nợ

2.1. Đối với Công ty mua, bán nợ:

Khoản nợ đã mua được coi như một loại hàng hóa đặc biệt. Việc xử lý tài chính được quy định trong Quy chế quản lý tài chính của Công ty mua, bán nợ.

2.2. Đối với bên bán nợ

a) Trường hợp khoản nợ bán là khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi mà chủ nợ đã xử lý theo quy định của Nhà nước và đang theo dõi tại tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán thì số tiền thu hồi được từ việc bán khoản nợ này được tính vào thu nhập khác của bên bán.

b) Trường hợp khoản nợ bán là khoản nợ đang theo dõi trong bảng cân đối kế toán (nội bảng) thì số tiền bán khoản nợ không tính vào doanh thu của bên bán nợ mà ghi giảm khoản phải thu tương ứng. Chênh lệch giữa số tiền thu được khi bán nợ với giá trị khoản nợ ghi trên sổ kế toán được bù đắp bằng các nguồn theo thứ tự sau đây:

- Dự phòng khoản phải thu khó đòi, dự phòng rủi ro (đối với các tổ chức tín dụng), quỹ dự phòng tài chính.

- Nếu nguồn dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc dự phòng rủi ro, quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp, thì phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh.

+ Đối với doanh nghiệp nhà nước: Trường hợp hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong 02 (hai) năm liên tiếp mà doanh nghiệp bị lỗ không có khả năng bù đắp và doanh nghiệp không thuộc trường hợp phải giải thể, phá sản thì doanh nghiệp lập hồ sơ báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định giảm vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

+ Đối với doanh nghiệp nhà nước đang thực hiện chuyển đổi sở hữu: Trường hợp tính vào chi phí kinh doanh bị lỗ thì được trừ vào phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trước khi chuyển đổi tương ứng với phần lỗ.

2.3. Đối với khách nợ

Sau khi thực hiện xong việc thanh toán nợ, trường hợp số tiền thực trả được Công ty mua, bán nợ chấp nhận thấp hơn giá trị khoản nợ hạch toán trên sổ kế toán thì khoản chênh lệch được hạch toán vào thu nhập khác.

Trường hợp giá trị thực tế khoản nợ góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh, hợp tác kinh doanh được Công ty mua, bán nợ chấp nhận thấp hơn giá trị khoản nợ theo sổ sách kế toán thì khoản chênh lệch được hạch toán vào thu nhập khác.

3. Xử lý tài chính đối với hoạt động mua, bán tài sản tồn đọng

3.1. Đối với Công ty mua, bán nợ:

Tài sản đã mua được coi là hàng hóa. Việc xử lý tài chính thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty mua, bán nợ.

3.2. Đối với bên bán tài sản là doanh nghiệp:

Số tiền bán tài sản được hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp. Giá trị còn lại của tài sản ghi trên sổ kế toán và chi phí nhượng bán được hạch toán vào chi phí khác theo quy định hiện hành.

II. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG MUA, BÁN NỢ VÀ TÀI SẢN TỒN DỌNG THEO CHỈ ĐỊNH

1. Đối tượng được thực hiện bán các khoản nợ và tài sản tồn đọng theo chỉ định

1.1. Các công ty nhà nước thực hiện cổ phần hóa, trường hợp giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp không đủ để xử lý lỗ lũy kế và nợ không có khả năng thu hồi hoặc sau khi xử lý giảm giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp mà giá trị còn lại không còn đủ để đảm bảo mức vốn Nhà nước cần tham gia trong công ty cổ phần theo phương án được duyệt theo quy định hiện hành.

1.2. Các công ty nhà nước cần giữ lại là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước theo đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mà bị thua lỗ, không có khả năng thanh toán nợ, có các khoản nợ và tài sản tồn đọng phát sinh do các nguyên nhân sau đây:

- Do thực hiện các quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Do việc thay đổi cơ chế, chính sách của Nhà nước tác động trực tiếp đến doanh nghiệp.
- Do các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng khác như: thiên tai, dịch bệnh.

1.3. Các đối tượng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hình thức mua bán nợ, tài sản tồn đọng theo chỉ định: Thủ tướng Chính phủ chỉ định đối tượng bán nợ, tài sản tồn đọng cho Công ty mua, bán nợ. Bên mua và bên bán tự thỏa thuận để quyết định giá mua bán đối với nợ, tài sản tồn đọng.

3. Trình tự, thủ tục mua, bán nợ và tài sản theo chỉ định

3.1. Các doanh nghiệp có các khoản nợ và tài sản tồn đọng thuộc đối tượng quy định tại Điểm 1, Mục II, Phần thứ hai của Thông tư này có trách nhiệm lập hồ sơ liên quan đến các khoản nợ và tài sản tồn đọng, bao gồm:

- Tờ trình xử lý nợ, tài sản tồn đọng: trong đó nêu rõ lý do đề nghị được bán nợ, tài sản tồn đọng theo chỉ định.

- Phương án kinh doanh có hiệu quả được cấp có thẩm quyền duyệt (đối với trường hợp Tiết 1.2, Điểm 1, Mục II, Phần thứ hai của Thông tư này).

- Các văn bản pháp lý và các tài liệu liên quan đến khoản nợ và tài sản tồn đọng.

- Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất.

3.2. Hồ sơ được gửi đến đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị Tổng công ty Nhà nước), Bộ Tài chính.

3.3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp chủ trì cùng với các cơ quan chức năng có liên quan thẩm định điều kiện được mua bán theo chỉ định và gửi Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

3.4. Công ty mua, bán nợ có trách nhiệm tổ chức xử lý nợ, tài sản tồn đọng mua chỉ định theo phương thức thỏa thuận, đấu thầu, đấu giá theo quy định hiện hành.

Các tài sản mua theo chỉ định cần thiết phải sửa chữa, nâng cấp nhằm mục đích tăng giá trị và tạo thuận lợi cho việc xử lý tài sản tồn đọng để thu hồi vốn, Công ty mua, bán nợ sử dụng nguồn vốn của mình để tiến hành sửa chữa, nâng cấp tài sản tồn đọng. Việc đầu tư, sửa chữa thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.

4. Xử lý tài chính đối với hoạt động mua, bán nợ và tài sản tồn đọng theo chỉ định

4.1. Đối với Công ty mua, bán nợ

a) Công ty mua, bán nợ sử dụng nguồn vốn kinh doanh để thanh toán cho bên bán theo hợp đồng kinh tế đã ký kết;

b) Giá trị thu hồi từ khoản nợ, tài sản tồn đọng đã mua theo hình thức chỉ định được xử lý như đối với trường hợp mua bán nợ, tài sản tồn đọng theo thỏa thuận nêu tại Điểm 2, Điểm 3, Mục I, Phần thứ hai của Thông tư này.

c) Hàng quý, Công ty mua, bán nợ báo cáo Bộ Tài chính về kết quả mua, bán, xử lý nợ, tài sản tồn đọng theo chỉ định.

4.2. Đối với doanh nghiệp bán nợ và tài sản tồn đọng

Đối với doanh nghiệp bán nợ và tài sản tồn đọng việc xử lý tài chính thực hiện theo quy định tại Tiết 2.2, Điểm 2, Mục I, Phần thứ hai và Tiết 3.2, Điểm 3, Mục I, Phần thứ hai của Thông tư này.

4.3. Đối với khách nợ

Đối với khách nợ, việc xử lý tài chính thực hiện theo quy định tại Tiết 2.3, Điểm 2, Mục I, Phần thứ hai của Thông tư này.

III. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN, XỬ LÝ NỢ VÀ TÀI SẢN KHÔNG TÍNH VÀO GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP KHI CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1. Bàn giao, tiếp nhận

1.1. Bên giao:

1.1.1. Đại diện chủ sở hữu các khoản nợ và tài sản đã loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi sở hữu công ty nhà nước là các Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với doanh nghiệp trực thuộc Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập và Hội đồng quản trị các Tổng công ty Nhà nước đối với các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty. Đại diện chủ sở hữu có thể ủy quyền cho doanh nghiệp hiện đang giữ hộ nợ và tài sản thực hiện việc bàn giao.

1.1.2. Doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu hiện đang giữ hộ nợ và tài sản đã loại trừ khỏi giá trị doanh nghiệp.

1.2. Bên nhận là Công ty mua, bán nợ.

1.3. Nội dung bàn giao tiếp nhận:

a) Nợ phải thu: bao gồm những khoản nợ phải thu đã loại khỏi giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa được xử lý tính đến thời điểm có quyết định giá trị doanh nghiệp.

Bên giao phân loại nợ phải thu theo tiêu thức nợ có đủ hồ sơ và khách nợ còn tồn tại; nợ không đủ hồ sơ, khách nợ không còn tồn tại và bàn giao toàn bộ cho Công ty mua, bán nợ.

b) Tài sản: bao gồm những tài sản của doanh nghiệp không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý, đến thời điểm có quyết định giá trị doanh nghiệp chưa được xử lý. Trước khi bàn giao, doanh nghiệp phải tiến hành phân loại theo các tiêu thức sau:

- Tài sản có giá trị thu hồi và có thể bán được;
- Tài sản không có giá trị thu hồi và không bán được, cần phá dỡ, hủy bỏ;

c) Doanh nghiệp phải nộp cho Công ty mua, bán nợ số tiền đã thu hồi được từ việc xử lý các khoản nợ, tài sản tồn đọng thuộc diện phải bàn giao theo quy định tại (a) Tiết 1.3 và (b) Tiết 1.3, Điểm 1, Mục III, Phần thứ hai của Thông tư này.

2. Thủ tục giao nhận

2.1. Đại diện chủ sở hữu (hoặc người được ủy quyền) cùng với doanh nghiệp đang giữ hộ nợ, tài sản loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp đang chuyển đổi sở hữu đã có quyết định giá trị doanh nghiệp (gọi chung là doanh nghiệp) thực hiện bàn giao nợ, tài sản cho Công ty mua, bán nợ.

2.2. Khi giao, nhận phải lập Biên bản bàn giao. Biên bản phải có chữ ký của ba bên (đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp và Công ty mua, bán nợ). Nội dung chính của Biên bản gồm:

a) Số lượng, giá trị theo sổ kế toán các khoản nợ, tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

b) Số lượng, giá trị theo sổ kế toán các khoản nợ, tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp đã được doanh nghiệp tự xử lý trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm quyết định công bố giá trị doanh nghiệp.

c) Số lượng, giá trị theo sổ kế toán các khoản nợ, tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp phải bàn giao cho Công ty mua, bán nợ tại thời điểm quyết định công bố giá trị doanh nghiệp (được xác định bằng (=) số lượng, giá trị khoản

nợ, tài sản tại (a) Tiết 2.2, Điểm 2, Mục III, Phần thứ hai trừ (-) số lượng, giá trị khoản nợ, tài sản tại (b) Tiết 2.2, Điểm 2, Mục III, Phần thứ hai của Thông tư này), trong đó phân loại thành: nợ phải thu có đủ hồ sơ và khách nợ còn tồn tại; nợ phải thu không có đủ hồ sơ, khách nợ không còn tồn tại; tài sản có giá trị thu hồi và có thể bán được; tài sản không có giá trị thu hồi, cần phá dỡ hủy bỏ.

d) Số lượng, giá trị theo sổ kế toán các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp thực tế bàn giao cho Công ty mua, bán nợ, trong đó phân loại thành: nợ phải thu có đủ hồ sơ và khách nợ còn tồn tại; nợ phải thu không có đủ hồ sơ, khách nợ không còn tồn tại; tài sản có giá trị thu hồi và có thể bán được; tài sản không có giá trị thu hồi, cần phá dỡ hủy bỏ.

đ) Chênh lệch giữa số lượng, giá trị theo sổ kế toán các khoản nợ, tài sản phải bàn giao với số lượng, giá trị theo sổ kế toán các khoản nợ và tài sản thực tế bàn giao (được xác định bằng (=) số lượng, giá trị khoản nợ, tài sản tại (c) Tiết 2.2, Điểm 2, Mục III, Phần thứ hai trừ (-) số lượng, giá trị khoản nợ, tài sản tại (d) Tiết 2.2, Điểm 2, Mục III, Phần thứ hai của Thông tư này); nguyên nhân chênh lệch, trong đó:

- Chênh lệch do doanh nghiệp tự xử lý trong thời gian từ thời điểm có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp đến thời điểm bàn giao cho Công ty mua, bán nợ; số tiền thực tế thu được do xử lý nợ, tài sản; số đã nộp theo quy định, số còn phải nộp cho Công ty mua, bán nợ.

- Chênh lệch do mất và các lý do khác (nêu rõ nguyên nhân đối với từng trường hợp cụ thể).

3. Trách nhiệm các bên giao, nhận

3.1. Bên giao:

3.1.1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu: Chỉ đạo doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan đến nợ, tài sản cần bàn giao; cùng với Công ty mua, bán nợ và doanh nghiệp lập kế hoạch và thực hiện bàn giao toàn bộ nợ và tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi sở hữu; chủ trì xử lý số tài sản thiếu hụt phát sinh trước thời điểm bàn giao cho Công ty mua, bán nợ theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

3.1.2. Doanh nghiệp: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan, phân loại nợ và tài sản theo quy định tại Tiết 1.3, Điểm 1, Mục III, Phần thứ hai của Thông tư này

để thực hiện bàn giao toàn bộ nợ, tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi sở hữu công ty nhà nước cho Công ty mua, bán nợ; tiếp tục giữ hộ tài sản theo yêu cầu của Công ty mua, bán nợ và chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty mua, bán nợ đối với những tài sản bị mất trong quá trình quản lý giữ hộ; phối hợp với Công ty mua, bán nợ trong việc xử lý tài sản bàn giao.

3.1.3. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định giá trị doanh nghiệp, bên giao phải bàn giao toàn bộ các khoản nợ và tài sản đã loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp (kèm theo hồ sơ có liên quan) cho Công ty mua, bán nợ.

3.2. Bên nhận:

- Thống nhất với bên giao về kế hoạch tiếp nhận.
- Có trách nhiệm tiếp nhận ngay nợ, tài sản và hồ sơ, tài liệu kèm theo khi bên giao giao, mở sổ kế toán theo dõi nợ và tài sản tồn đọng đã nhận bàn giao.
- Thực hiện thu hồi nợ, xử lý tài sản đã tiếp nhận theo quy định tại điểm 3.5, Mục II, Phần thứ hai của Thông tư này.
- Hàng quý, Công ty mua, bán nợ báo cáo Bộ Tài chính về kết quả xử lý nợ, bán tài sản đã tiếp nhận.

4. Nguyên tắc xử lý nợ và tài sản tồn đọng tiếp nhận:

4.1. Việc định giá lại giá trị khoản nợ, tài sản tồn đọng trước khi xử lý và việc bán tài sản tồn đọng (bao gồm cả tài sản đảm bảo các khoản nợ), Công ty mua, bán nợ thực hiện như sau:

- Thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để định giá tài sản trước khi xử lý. Riêng đối với lô tài sản tồn đọng của 1 doanh nghiệp tại 1 địa chỉ có giá trị còn lại theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng, trước khi bán, cho thuê hoặc góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh liên kết, Công ty mua, bán nợ tự định giá hoặc thực hiện định giá thông qua các doanh nghiệp, tổ chức có chức năng thẩm định giá.
- Bán đấu giá tài sản tồn đọng và tài sản đảm bảo các khoản nợ. Riêng đối với lô tài sản tồn đọng của 1 doanh nghiệp tại 1 địa chỉ có tổng giá trị theo kết quả thẩm định của cơ quan có chức năng thẩm định giá xác định dưới 100 triệu đồng thì Công ty mua, bán nợ được lựa chọn hình thức bán tài sản để đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn và đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và có hiệu quả.
- Thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp bán đấu giá hoặc tự tổ chức bán đấu giá tài sản theo quy định. Doanh nghiệp có tài sản loại trừ được tham gia đấu giá

để mua tài sản. Trường hợp thông qua đấu giá theo quy định của pháp luật mà vẫn không bán được tài sản (không có người đăng ký mua tài sản hoặc không có người trúng đấu giá) thì Công ty mua, bán nợ được phép tự xác định giá khởi điểm mới để tiếp tục bán đấu giá.

4.2. Xử lý đối với nợ và tài sản không có giá trị thu hồi:

- Đối với nợ không còn khả năng thu hồi do khách nợ không còn tồn tại, hoặc khách nợ còn tồn tại nhưng không có khả năng trả nợ, hoặc không đủ hồ sơ pháp lý, Công ty mua, bán nợ báo cáo Bộ Tài chính để xử lý xóa nợ.

- Đối với tài sản không có giá trị thu hồi, tài sản cần phải hủy bỏ, Công ty mua, bán nợ phối hợp với doanh nghiệp tổ chức hủy bỏ, hoặc thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài hủy bỏ.

5. Xử lý tài chính đối với các khoản nợ và tài sản khi bàn giao, tiếp nhận

5.1. Đối với Công ty mua, bán nợ

Số tiền thu được từ việc thu hồi nợ; bán, khai thác tài sản tồn đọng; sử dụng khoản nợ và tài sản tồn đọng nhận bàn giao để chuyển thành vốn góp cổ phần, vốn góp liên doanh, hợp tác kinh doanh được sử dụng như sau:

- Bù đắp chi phí sửa chữa, nâng cấp tài sản (nếu có).
- Trích 20% số tiền nợ và tài sản thu hồi để lại cho Công ty mua, bán nợ để bù đắp chi phí tiếp nhận, quản lý nợ, tài sản; bù đắp chi phí định giá, đấu giá (nếu có). Bù đắp chi phí hủy bỏ tài sản không có giá trị thu hồi, thuộc diện hủy bỏ và khuyến khích xử lý nhanh, có hiệu quả các khoản nợ và tài sản được giao để thu hồi vốn cho Nhà nước.
- Trích 10% số tiền nợ và tài sản thu hồi chuyển trả doanh nghiệp giữ hộ tài sản để bù đắp các chi phí quản lý, giữ hộ.
- Số còn lại Công ty mua, bán nợ nộp ngân sách Nhà nước.

5.2. Đối với doanh nghiệp: Căn cứ biên bản bàn giao nợ và tài sản, doanh nghiệp xử lý giảm giá trị tài sản, nợ bàn giao tương ứng. Doanh nghiệp được hưởng số tiền do giữ hộ và tham gia bán tài sản quy định tại Tiết 5.1, Điểm 5, Mục III - Phần thứ hai của Thông tư này.

5.3. Đối với các Tổng công ty Nhà nước: Khi thực hiện bàn giao các khoản nợ, tài sản loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp cho Công ty mua, bán nợ, chủ sở hữu được hạch toán giảm vốn tương ứng.

5.4. Đối với khách nợ: Đối với khách nợ, việc xử lý tài chính thực hiện theo quy định tại Tiết 2.3, Điểm 2, Mục I, Phần thứ hai của Thông tư này.

Phần thứ ba
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư 39/2004/TT-BTC, ngày 11 tháng 5 năm 2004.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các Bộ, ngành, các địa phương, doanh nghiệp phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà